



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN
VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban lãnh đạo	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán	6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2010	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2010	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010	14 - 46

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam tiền thân là Công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi Hà Nội, là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi, được thành lập theo Quyết định số 4797/QĐ/BNN-TCCB ngày 29 tháng 10 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Từ ngày 09 tháng 12 năm 2004, Công ty chuyển đổi hoạt động sang hình thức công ty cổ phần theo Quyết định số 4465/QĐ/BNN-TCCB của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103009916 ngày 30 tháng 11 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 08 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi do tăng vốn điều lệ và bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 568.000.000.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Ngõ 102, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP.Hà Nội
Điện thoại : (04) 3 8.693.434 Fax : (04) 3 8.691.568
E-mail : vanphonghagrimeco@yahoo.com
Mã số thuế : 0100103295

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Về cơ khí và điện: chế tạo, sửa chữa, lắp đặt thiết bị phụ tùng cơ khí phục vụ cho ngành nông, lâm, diêm nghiệp, thủy lợi và xây dựng; Chế tạo thiết bị nâng hạ máy và thiết bị dây chuyền chế biến nông sản: cà phê, mía, đường, chè; Lắp ráp xe tải nhỏ phục vụ nông thôn; Thiết kế và sản xuất các loại bơm đến 8.000m³/h; Xây lắp đường dây và trạm biến thế đến 35KV; Chế tạo tủ điện hạ thế, tủ điều khiển trung tâm phục vụ thủy lợi và công nghiệp chế biến; Sản xuất và kinh doanh điện;
- Về xây dựng: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn; xây dựng công trình thủy lợi: hồ đập mới, kênh mương, kè và đập; Xây lắp các công trình dân dụng, hệ thống xử lý nước thải công nghiệp, nước sạch nông thôn và vệ sinh môi trường; Chế tạo vỏ học che công trình công nghiệp; Đào đắp đất đá, san lấp mặt bằng, phát triển hạ tầng;
- Về thương mại và dịch vụ: kinh doanh nội địa và xuất nhập khẩu các loại vật tư máy móc thiết bị, hóa chất phục vụ nông nghiệp (trừ Hóa chất Nhà nước cấm) và chế biến nông sản; Kinh doanh lương thực, thực phẩm và nông lâm sản; Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, gương, kính, van nhân tạo; Cho thuê nhà ở, văn phòng làm việc, kho bãi, nhà xưởng; Kinh doanh khách sạn và dịch vụ lữ hành (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, vũ trường, quán bar);
- Đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, công nghiệp, dân dụng, giao thông, cơ sở hạ tầng nông thôn;
- Kinh doanh bất động sản;
- Khai thác khoáng sản, tài nguyên; Khai thác vật liệu xây dựng (đất, đá, cát, sỏi) bao gồm cả khảo sát, thăm dò và chế biến (trừ các Khoáng sản Nhà nước cấm);

- Khoan phục vữa, xi măng, gia cố chống thấm và xử lý nền móng công trình xây dựng; Chống thấm nền và thân đê, than đập công trình thủy lợi, thủy điện;
- Nạo vét sông ngòi, cửa sông, cửa biển; Sản xuất bê tông đầm lăn và bê tông các loại; Xây dựng giao thông đường bộ và đường sắt; Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Thử nghiệm vật liệu xây dựng;
- Chế tạo, lắp đặt thiết bị và phụ tùng công trình thủy lợi và thủy điện; Chế tạo, lắp đặt và sửa chữa công trình nhà máy chế biến sản phẩm nông lâm nghiệp; chế tạo và lắp đặt công trình khung nhà kết cấu thép;
- Đầu tư kinh doanh nhà máy thủy điện, khu đô thị, hạ tầng khu công nghiệp, khu nhà cao tầng;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, vật liệu điện và kim khí khác; Kinh doanh thiết bị và phụ tùng máy xây dựng; Kinh doanh phương tiện vận tải; Kinh doanh dịch vụ nhà hàng; Kinh doanh dịch vụ quản lý nhà chung cư; Cho thuê máy móc thiết bị; Kinh doanh đại lý xăng dầu; Đại lý kỹ khí hàng hóa;
- Giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở, giáo dục trung học phổ thông, giáo dục trung học chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học; Dạy nghề ngắn hạn, dài hạn trong lĩnh vực: Kinh doanh và quản lý, máy tính, xây dựng, công nghệ kỹ thuật mô địa chất và chế biến lương thực, thực phẩm (chỉ được hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội, ngoại thất; đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng;
- Thiết kế công trình điện, thủy lợi;
- Thiết kế lắp đặt thiết bị cơ khí công trình thủy điện;
- Giám sát thi công xây dựng các loại công trình dân dụng và công nghiệp, thủy điện trong lĩnh vực chuyên môn giám sát: Xây dựng và hoàn thiện;
- Môi giới bất động sản;
- Định giá bất động sản;
- Tư vấn, quảng cáo, quản lý bất động sản;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh và hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi, giải trí;
- Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán).

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Anpha	Số 214, đường Tô Hiệu, tổ 6, phường Tô Hiệu, thị xã Sơn La, tỉnh Sơn La	Số 2403000129 ngày 06 tháng 4 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp	97,5%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Meco	Ngõ 102, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP.Hà Nội	Số 0103022116 ngày 12 tháng 5 năm 2009 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP.Hà Nội cấp	89%
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Xăng	2A14, tổ 1D, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội	Số 0102223118 ngày 12 tháng 7 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hà Nội cấp	80%
Công ty Cổ phần Khoáng sản Meco	Thôn Đồng Lợi, xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hoà Bình	Số 5400343804 ngày 29 tháng 3 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hòa Bình cấp	75%

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Trong năm, Công ty thực hiện góp vốn vào Công ty liên kết – Công ty Cổ phần Thủy Điện Thác Xăng và chuyển đổi công ty này thành công ty con. Công ty cũng thực hiện chuyển nhượng phần vốn góp của mình trong Công ty liên kết – Công ty Cổ phần Văn nhân tạo Yên Bái cho các cổ đông khác và chuyển đổi khoản đầu tư này từ khoản đầu tư vào công ty liên kết sang khoản đầu tư dài hạn khác.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 46).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Lãnh đạo Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2010 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Lãnh đạo của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Ngọc Bình	Chủ tịch	18 tháng 04 năm 2010
Ông Nguyễn Bình Dương	Ủy viên	18 tháng 04 năm 2010
Ông Lê Hà Giang	Ủy viên	18 tháng 04 năm 2010
Ông Nguyễn Văn Huyền	Ủy viên	18 tháng 04 năm 2010
Ông Nguyễn Trọng Nghĩa	Ủy viên	18 tháng 04 năm 2010

Ban Lãnh đạo

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Bình Dương	Tổng Giám đốc	08 tháng 07 năm 2008
Ông Nguyễn Văn Kim	Phó Tổng Giám đốc	11 tháng 02 năm 2006
Ông Phạm Ngọc Chung	Phó Tổng Giám đốc	11 tháng 02 năm 2006
Ông Hoàng Văn Hưng	Phó Tổng Giám đốc	11 tháng 02 năm 2006
Ông Nguyễn Văn Huyền	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 07 năm 2009
Bà Ninh Thị Luân	Kế toán trưởng	11 tháng 05 năm 2006

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

133
 NHƯ
 1007
 KIỂM
 1/18
 7/6
 A N
 0A

Xác nhận của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Lãnh đạo phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban lãnh đạo đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban lãnh đạo Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban lãnh đạo Công ty
Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Ngọc Bình

Ngày 31 tháng 3 năm 2011



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist. 1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Da St., Nha Trang City
Branch in Cao Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Cao Tho City
www.btc.com.vn

Số: 187/2011/BCTC-KTTV-KT2

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2010
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN LÃNH ĐẠO
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 của Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 31 tháng 3 năm 2011, từ trang 07 đến trang 46 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban lãnh đạo Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban lãnh đạo cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Phó Giám đốc



Nguyễn Thị Tư

Chứng chỉ kiểm toán viên số: D.0059/KTV

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2011

Kiểm toán viên

Cao Thu Hiền

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0803/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 102 Trường Chinh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.700.613.528.292	818.606.996.276
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	364.508.958.954	49.265.745.157
1. Tiền	111		14.594.092.956	41.265.745.157
2. Các khoản tương đương tiền	112		349.914.866.998	8.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		66.867.853.419	107.280.427.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	66.867.853.419	107.337.092.600
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	(56.665.600)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		612.002.609.638	290.898.312.262
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	376.377.233.885	213.173.882.950
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	224.384.083.828	71.251.877.306
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	12.708.517.518	7.939.777.599
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(1.467.225.593)	(1.467.225.593)
IV. Hàng tồn kho	140		588.819.877.384	333.992.992.941
1. Hàng tồn kho	141	V.7	590.031.560.442	335.204.675.999
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(1.211.683.058)	(1.211.683.058)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		68.414.228.897	37.169.518.916
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	612.706.128	922.702.668
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		15.730.245.436	606.492.725
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	52.071.277.333	35.640.323.523



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 102 Trường Chinh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		406.275.952.034	289.056.586.148
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		181.836.545.954	181.328.668.976
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	121.326.355.994	147.879.869.904
Nguyên giá	222		235.680.379.357	234.008.348.834
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(114.354.023.363)	(86.128.478.930)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.12	2.794.931.279	778.792.219
Nguyên giá	225		4.351.836.507	1.557.584.416
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.556.905.228)	(778.792.197)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	12.872.774	7.861.117
Nguyên giá	228		59.230.000	43.250.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(46.357.226)	(35.388.883)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.14	57.702.385.907	32.662.145.736
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		223.108.587.270	106.673.843.465
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.15	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.16	168.043.230.103	102.357.253.465
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.17	55.930.400.000	4.316.590.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.18	(865.042.833)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.330.818.810	1.054.073.707
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		925.975.819	917.002.128
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		42.484.040	47.411.843
3. Tài sản dài hạn khác	268		362.358.951	89.659.736
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.106.889.480.326	1.107.663.582.424

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 102 Trường Chinh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.328.787.110.193	885.742.763.968
I. Nợ ngắn hạn	310		928.594.003.730	562.085.114.384
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.19	594.121.534.497	269.771.626.716
2. Phải trả người bán	312	V.20	98.794.062.071	73.816.910.674
3. Người mua trả tiền trước	313	V.21	121.810.251.924	114.476.225.344
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.22	18.926.529.408	15.423.481.227
5. Phải trả người lao động	315		9.535.189.788	7.851.013.247
6. Chi phí phải trả	316	V.23	27.312.494.031	26.401.862.741
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.24	48.600.786.391	51.947.323.075
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.25	9.493.155.620	2.396.671.360
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		400.193.106.463	323.657.649.584
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.26	120.373.605.000	70.645.426.050
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.27	278.443.103.304	251.724.082.455
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.092.761.795	713.127.391
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		283.636.364	574.013.688
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		776.537.370.133	221.355.818.456
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.28	776.391.573.690	221.188.547.069
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		546.000.000.000	145.199.930.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		169.300.618.000	23.736.613.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		683.345.117	1.502.590.741
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		20.772.835.059	12.482.822.484
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.945.599.439	1.328.395.478
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		35.689.176.075	36.938.195.366
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		145.796.443	167.271.387
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		145.796.443	167.271.387
C - LỢI ÍCH CỎ ĐỒNG THIỂU SỐ	439	V.29	1.565.000.000	565.000.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.106.889.480.326	1.107.663.582.424

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 102 Trường Chinh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1.017.354.182	1.017.354.182
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		1.903,02	1.912,47
Euro (EUR)		404,58	415,50
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu



Phạm Thị Chinh Lương

Kế toán trưởng



Ninh Thị Liên



Nguyễn Ngọc Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 102 Trường Chinh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

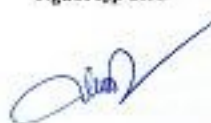
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

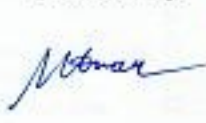
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	777.703.683.034	693.399.734.361
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		777.703.683.034	693.399.734.361
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	692.184.721.033	607.863.979.662
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		85.518.962.001	85.535.754.699
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	49.260.143.215	46.091.284.777
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	63.584.624.328	55.360.886.934
Trong đó: chi phí lãi vay	23		60.578.086.351	50.802.090.067
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	2.690.250.498	3.053.256.557
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	9.037.835.654	10.378.958.084
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		59.466.394.736	62.833.937.901
11. Thu nhập khác	31	VI.7	7.658.595.114	6.605.012.081
12. Chi phí khác	32	VI.8	7.542.448.416	3.418.758.635
13. Lợi nhuận khác	40		116.146.698	3.186.253.446
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		(4.063.353.318)	(3.447.257.455)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		55.519.188.116	62.572.933.892
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.22	8.720.561.991	11.806.734.652
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		4.927.803	1.052.500.833
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>46.793.698.322</u>	<u>49.713.698.407</u>
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		<u>46.793.698.322</u>	<u>49.713.698.407</u>
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>2.199</u>	<u>3.429</u>

Người lập biểu



Phạm Thị Chinh Lương

Kế toán trưởng



Ninh Thị Luân



Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2011

Kế toán trưởng HDQT



Nguyễn Ngọc Bình

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	55.519.188.116	62.572.933.892
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	32.029.080.858	27.540.266.378
- Các khoản dự phòng	03	(2.182.105.029)	37.944.239
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	1.782.302.140
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(19.376.088.757)	(5.375.736.013)
- Chi phí lãi vay	06	60.578.086.351	50.802.090.067
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	126.568.161.539	137.359.800.703
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(414.549.013.224)	77.160.071.020
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(254.826.884.443)	(10.336.000.794)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	75.534.283.192	17.768.047.521
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	301.022.849	(909.927.921)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(84.220.891.513)	(28.186.249.776)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.542.143.964)	(3.627.488.300)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(4.801.273.689)	(13.715.986.010)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(558.536.739.253)	175.512.266.443
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(42.029.841.897)	(83.057.655.292)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	7.432.727.364	2.304.544.634
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(159.415.149.819)	(282.509.292.600)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	256.884.389.000	175.172.200.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(86.071.929.248)	(67.681.425.848)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	7.725.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	20.442.496.742	5.075.402.635
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	4.967.692.142	(250.696.226.471)

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 102 Trường Chinh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

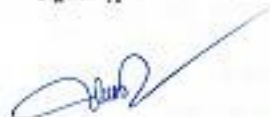
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

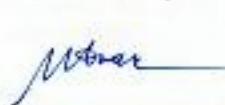
CHỈ TIÊU	Mã Thuật số minh	Năm nay		Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		526.364.075.000	6.304.891.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		911.257.399.803	653.431.218.986
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(542.541.141.782)	(529.152.480.990)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		(627.646.666)	(7.875.168.849)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(25.644.123.400)	(17.077.261.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		868.808.562.955	105.631.199.147
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		315.239.515.844	30.447.239.119
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	49.265.745.157	18.816.340.736
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		3.697.953	2.165.302
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	364.508.958.954	49.265.745.157

Người lập biểu



Phạm Thị Chinh Lương

Kế toán trưởng



Ninh Thị Luân



Lập ngày 31 tháng 03 năm 2011

Chức vụ HĐQT

Nguyễn Ngọc Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Năm 2010**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần
2. Lĩnh vực kinh doanh : Xây dựng, dịch vụ, sản xuất
3. Hoạt động kinh doanh chính trong năm:

- Chế tạo, sửa chữa, lắp đặt thiết bị phụ tùng cơ khí phục vụ cho ngành nông, lâm, diêm nghiệp, thủy lợi và xây dựng; Chế tạo thiết bị nâng hạ máy và thiết bị dây chuyền chế biến nông sản: cà phê, mía, đường, chè; Lắp ráp xe tải nhỏ phục vụ nông thôn; Thiết kế và sản xuất các loại bơm đến 8.000m³/h; Xây lắp đường dây và trạm biến thế đến 35KV; Chế tạo tủ điện hạ thế, tủ điều khiển trung tâm phục vụ thủy lợi và công nghiệp chế biến; Sản xuất và kinh doanh điện;
- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn; xây dựng công trình thủy lợi: hồ đập mới, kênh mương, kè và đập; Xây lắp các công trình dân dụng, hệ thống xử lý nước thải công nghiệp, nước sạch nông thôn và vệ sinh môi trường; Chế tạo vỏ bọc che công trình công nghiệp; Đào đắp đất đá, san lấp mặt bằng, phát triển hạ tầng;
- Kinh doanh nội địa và xuất nhập khẩu các loại vật tư máy móc thiết bị, hóa chất phục vụ nông nghiệp và chế biến nông sản; Kinh doanh lương thực, thực phẩm và nông lâm sản; Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, gạch, kính, ván nhân tạo; Cho thuê nhà ở, văn phòng làm việc, kho bãi, nhà xưởng;
- Đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, công nghiệp, dân dụng, giao thông, cơ sở hạ tầng nông thôn;
- Kinh doanh bất động sản;
- Khai thác khoáng sản, tài nguyên; Khai thác vật liệu xây dựng (đất, đá, cát, sỏi) bao gồm cả khoáng sản, thăm dò và chế biến (trừ các Khoáng sản Nhà nước cấm);
- Khai thác vữa, xi măng, gia cố chống thấm và xử lý nền móng công trình xây dựng; Chống thấm nền và thân đế, than đập công trình thủy lợi, thủy điện;
- Nạo vét sông ngòi, cửa sông, cửa biển; Sản xuất bê tông đầm lăn và bê tông các loại; Xây dựng giao thông đường bộ và đường sắt; Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Thí nghiệm vật liệu xây dựng;
- Chế tạo, lắp đặt thiết bị và phụ tùng công trình thủy lợi và thủy điện; Chế tạo, lắp đặt và sửa chữa công trình nhà máy chế biến sản phẩm nông lâm nghiệp; chế tạo và lắp đặt công trình khung nhà kết cấu thép;
- Đầu tư kinh doanh nhà máy thủy điện, khu đô thị, hạ tầng khu công nghiệp, khu nhà cao tầng;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, vật liệu điện và kim khí khác; Kinh doanh thiết bị và phụ tùng máy xây dựng; Kinh doanh phương tiện vận tải; Kinh doanh dịch vụ nhà hàng; Kinh doanh dịch vụ quản lý nhà chung cư; Cho thuê máy móc thiết bị.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Trong năm, Công ty thực hiện góp vốn vào Công ty liên kết – Công ty Cổ phần Thủy Điện Thái Xăng và chuyển đổi công ty này thành công ty con. Công ty cũng thực hiện chuyển nhượng phần vốn góp của mình trong Công ty liên kết – Công ty Cổ phần Ván nhân tạo Yên Bái cho các cổ đông khác và chuyển đổi khoản đầu tư này từ khoản đầu tư vào công ty liên kết sang khoản đầu tư dài hạn khác.

5. Tổng số các công ty con:**04**

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất:

04

Số lượng các công ty con không được hợp nhất:

0

6. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Anpha	Số 214, đường Tô Hiệu, tổ 6, phường Tô Hiệu, thị xã Sơn La, tỉnh Sơn La	97%	97,5%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Meco	Ngõ 102, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội	100%	89%
Công ty Cổ phần Thủy điện Thái Xăng	2A14, tổ 1D, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội	98%	80%
Công ty Cổ phần Khoáng sản Meco	Thôn Đồng Lạt, xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hoà Bình	3%	75%

7. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ phần sở hữu</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần Thủy điện Văn Chấn	Xã An Lương, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái	48%	50%

8. Danh sách các công ty liên kết ngưng áp dụng hoặc không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Lý do</i>
Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Hòa Bình	Tiểu khu 4, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình	Chưa có Báo cáo tài chính năm 2010
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 44	205 Nguyễn Xi, phường 26 Quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh	Chưa có Báo cáo tài chính năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ theo chương trình kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam (Công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nằm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

7. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Mã số thuế: 0101020000

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 – 50
Máy móc và thiết bị	07 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định khác	04 – 06

9. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao áp dụng cho TSCĐ thuê tài chính (phương tiện vận tải, máy móc thiết bị) là 04 năm.

10. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

12. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

13. Chi phí trả trước dài hạn*Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

14. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

15. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động đối với thời gian đã làm việc tại Công ty trước ngày 01 tháng 01 năm 2009. Mức trích dự phòng trợ mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

16. Trái phiếu có thể chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể được chuyển thành cổ phiếu phổ thông theo các điều kiện đã được xác định trước.

Trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả và vốn chủ sở hữu. Phần nợ phải trả được ước tính sử dụng lãi suất thị trường của các trái phiếu không chuyển đổi tương tự tại ngày phát hành. Nợ phải trả được điều chỉnh theo lãi suất thực tế trong suốt thời hạn của trái phiếu thông qua việc ghi nhận vào chi phí. Phần ghi nhận vào vốn chủ sở hữu là chênh lệch giữa giá trị hợp lý của trái phiếu chuyển đổi và phần nợ phải trả. Các chi phí liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ theo tỷ lệ cho nợ phải trả và vốn chủ sở hữu.

17. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

18. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

20. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện

theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối kỳ của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xoá số dư vào đầu kỳ sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải thu, phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Nếu việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả dài hạn làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì một phần chênh lệch tỷ giá được phân bổ cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được phân bổ vào chi phí cho các năm sau với thời gian tối đa không quá 5 năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày 31/12/2009: 17.941 VND/USD

31/12/2010: 18.932 VND/USD

21. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và giá vốn

Doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu hoạt động chuyển nhượng đất có hạ tầng được ghi nhận khi hợp đồng chuyển nhượng đã được hai bên ký kết và bàn giao mốc giới.

Doanh thu hoạt động xây lắp: các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

Giá vốn

Giá vốn của hoạt động chuyển nhượng đất có hạ tầng được xác định theo dự toán đầu tư.

Đối với hoạt động xây lắp: giá vốn được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh nhưng không vượt quá tỷ lệ khoán trên doanh thu đã ghi nhận trong năm đối với từng công trình. Tỷ lệ khoán được xác định theo từng hợp đồng giao khoán giữa Công ty và Xí nghiệp, Chi nhánh và được áp dụng nhất quán cho các kỳ trung suốt quá trình thi công từng công trình.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	5.477.167.918	1.604.595.358
Tiền gửi ngân hàng	9.081.450.038	39.661.149.799
Tiền đang chuyển	35.475.000	
Các khoản tương đương tiền (<i>tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i>)	349.914.865.998	8.000.000.000
Cộng	364.508.958.954	49.265.745.157

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		66.867.853.419		337.092.600
<i>Ngân hàng Công thương Việt Nam</i>			9.506	337.092.600
<i>Công ty CP Đầu tư và Phát triển đô thị Long Giang</i>	2.687.410	53.194.294.939		
<i>Công ty CP Cơ điện lạnh</i>	770.000	13.434.208.480		
<i>Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội</i>	29.403	239.350.000		
Đầu tư ngắn hạn khác				107.000.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn</i>				50.000.000.000
<i>Cho các tổ chức, cá nhân vay</i>				57.000.000.000
Cộng		66.867.853.419		107.337.092.600

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bìa thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng của Công ty mẹ	376.373.862.888	212.783.882.950
Khách hàng của các Công ty con	3.370.997	390.000.000
Cộng	<u>376.377.233.885</u>	<u>213.173.882.950</u>

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho người bán của Công ty mẹ	203.980.790.897	69.690.948.024
Trả trước cho người bán của các Công ty con	20.403.292.931	1.560.929.282
Cộng	<u>224.384.083.828</u>	<u>71.251.877.306</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu về cổ phần hóa	558.900	23.712.000
BHXH, BHYT phải thu của CBCNV	60.174.633	164.615.797
Phải thu lãi chậm trả tiền hàng	2.746.755.252	1.937.191.590
2% thuế TNDN tạm nộp		385.937.046
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu	3.547.931.582	1.861.339.056
Cho các tổ chức, cá nhân vay mượn	500.000.000	
Các khoản phải thu khác	5.853.097.151	3.566.982.110
Cộng	<u>12.708.517.518</u>	<u>7.939.777.599</u>

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Là số dự phòng cho các khoản nợ quá hạn trên 3 năm.

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường		74.157.721
Nguyên liệu, vật liệu	19.503.057.325	15.217.273.564
Công cụ, dụng cụ	307.750.131	351.530.719
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	475.440.660.956	280.108.134.836
Thành phẩm	792.365.851	792.540.751
Hàng hóa	93.869.206.884	38.542.519.113
Hàng gửi đi bán	118.519.295	118.519.295
Cộng	<u>590.031.560.442</u>	<u>335.204.675.999</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	988.954.727	988.954.727
Thành phẩm	222.728.331	222.728.331
Cộng	<u>1.211.683.058</u>	<u>1.211.683.058</u>

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

Là công cụ dụng cụ xuất dùng

10. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	24.688.956.136	12.880.126.015
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	27.152.637.925	22.530.514.236
Tài sản thiếu chờ xử lý	229.683.272	229.683.272
Cộng	<u>52.071.277.333</u>	<u>35.640.323.523</u>

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	12.465.842.609	170.594.472.379	49.184.575.236	1.763.458.610	234.008.348.834
Mua sắm mới		11.281.510.674	350.356.001	146.597.813	11.778.464.488
Thanh lý, nhượng bán		(3.238.149.738)	(6.868.284.227)		(10.106.433.965)
Số cuối năm	<u>12.465.842.609</u>	<u>178.637.833.315</u>	<u>42.666.647.010</u>	<u>1.910.056.423</u>	<u>235.680.379.357</u>
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	1.550.867.770	66.429.135.194	17.041.631.189	1.106.844.777	86.128.478.930
Khấu hao	715.973.788	23.242.133.713	6.892.416.097	389.475.886	31.239.999.484
Thanh lý, nhượng bán		(1.190.423.226)	(1.824.031.825)		(3.014.455.051)
Số cuối năm	<u>2.266.841.558</u>	<u>88.480.845.680</u>	<u>22.110.015.461</u>	<u>1.496.320.663</u>	<u>114.354.023.363</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	10.914.974.839	104.165.337.185	32.142.944.047	656.613.833	147.879.869.904
Số cuối năm	<u>10.199.001.051</u>	<u>90.156.987.635</u>	<u>20.556.631.549</u>	<u>413.735.760</u>	<u>121.326.355.994</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, Đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.557.584.416		1.557.584.416
Thuê tài chính trong năm		2.794.252.091	2.794.252.091
Giảm trong năm			
Số cuối năm	<u>1.557.584.416</u>	<u>2.794.252.091</u>	<u>4.351.836.507</u>
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	778.792.197		778.792.197
Khấu hao trong năm	389.396.100	388.716.931	778.113.031
Giảm trong năm			
Số cuối năm	<u>1.168.188.297</u>	<u>388.716.931</u>	<u>1.556.905.228</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	778.792.219		778.792.219
Số cuối năm	<u>389.396.119</u>	<u>2.405.535.160</u>	<u>2.794.931.279</u>

13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm Website	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm		43.250.000	43.250.000
Mua trong năm	15.980.000		15.980.000
Giảm trong năm			
Số cuối năm	<u>15.980.000</u>	<u>43.250.000</u>	<u>59.230.000</u>
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm		35.388.883	35.388.883
Khấu hao trong năm	3.107.226	7.861.117	10.968.343
Giảm trong năm			
Số cuối năm	<u>3.107.226</u>	<u>43.250.000</u>	<u>46.357.226</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm		7.861.117	7.861.117
Số cuối năm	<u>12.872.774</u>		<u>12.872.774</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, Đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác (góp vốn)	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	5.392.607.205	4.741.110.799	9.547.552.123	-	586.165.881
XDCB dở dang	27.269.538.531	30.251.377.409		404.695.914	57.116.220.026
<i>Dự án Thủy điện Thác Xương</i>	<i>404.695.914</i>			<i>404.695.914</i>	
<i>Nhà máy cơ khí Vân Lâm - Hưng Yên</i>	<i>1.996.250.181</i>	<i>4.569.656.803</i>			<i>6.565.906.984</i>
<i>Dự án khu đất 3 ha Vân Lâm - Hưng Yên</i>	<i>7.020.401.371</i>	<i>3.113.202.365</i>			<i>10.133.603.736</i>
<i>Dự án Thành Công Hòa Bình</i>	<i>3.114.691.916</i>	<i>32.740.718</i>			<i>3.147.432.634</i>
<i>Dự án khu đô thị Meco-City</i>	<i>5.500.000</i>	<i>101.804.540</i>			<i>107.304.540</i>
<i>Công trình thủy điện Khánh Khê</i>		<i>3.418.808.331</i>			<i>3.418.808.331</i>
<i>Dự án thủy điện Nậm Hoà 2</i>	<i>11.507.355.684</i>	<i>15.820.639.922</i>			<i>27.327.995.606</i>
<i>Dự án thủy điện Suối Choang</i>	<i>3.220.643.465</i>	<i>3.067.373.195</i>			<i>6.288.216.660</i>
<i>Dự án mỏ đá Hoà Bình</i>		<i>126.951.535</i>			<i>126.951.535</i>
Cộng	32.662.145.736	34.992.488.208	9.547.552.123	404.695.914	57.702.385.907

15. Đầu tư vào công ty con

Tên công ty	Hoạt động chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty CP Đầu tư thủy điện Anpha ⁽¹⁾	Đầu tư dự án Thủy điện Nậm Hoà 2	150 tỷ VND	97%	96%	97,5%	97,5%
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện Meco ⁽²⁾	Đầu tư dự án Thủy điện Suối Choang	45 tỷ VND	100%	100%	89%	89%
Công ty CP Thủy điện Thác Xương ⁽³⁾	Đầu tư dự án Thủy điện Khánh Khê	90 tỷ VND	98%		80%	
Công ty CP Khoáng sản Meco ⁽⁴⁾		20 tỷ VND	3%		75%	

CÔNG TY CỔ PHẦN CABLE ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- ⁹⁰ Theo biên bản họp Hội đồng quản trị, Công ty đầu tư vào Công ty CP Thủy điện Anpha 146.250.000.000 VND, tương đương 97,5% vốn điều lệ. Trong năm Công ty đã đầu tư thêm 17.050.725.879 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 30.921.395.477 VND, tương đương 21,14% vốn điều lệ (số đầu năm là 13.870.669.598 VND, tương đương 9,63% vốn điều lệ). Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty CP Thủy điện Anpha là 115.328.604.523 VND.
- ⁹¹ Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103022116 ngày 12 tháng 5 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện Meco 40,05 tỷ VND, tương đương 89% vốn điều lệ. Trong năm Công ty đã đầu tư thêm 10.937.716.817 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 16.356.292.046 VND, tương đương 40% vốn điều lệ (số đầu năm là 5.418.575.229 VND, tương đương 13% vốn điều lệ). Vốn điều lệ còn phải đầu tư là 23.993.707.954 VND.
- ⁹² Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102223118 ngày 12 tháng 7 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty CP Thủy điện Thác Xăng 72 tỷ VND, tương đương 80% vốn điều lệ. Trong năm Công ty đã đầu tư thêm 9.199.776.717 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 9.801.677.043, tương đương 13,61% vốn điều lệ (số đầu năm là 601.900.326 VND, tương đương 0,84% vốn điều lệ và đã được phản ánh ở chỉ tiêu "Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết"). Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty CP Thủy điện Thác Xăng là 62.198.322.957 VND.
- ⁹³ Theo giấy chứng nhận kinh doanh và đăng ký thuế số 5400343804 ngày 29 tháng 3 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hòa Bình cấp, Công ty đầu tư vào Công ty CP Khoáng sản Meco 15 tỷ VND, tương đương 75% vốn điều lệ. Trong năm và tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty đã đầu tư được 18.739.464 VND. Vốn điều lệ còn phải đầu tư là 14.981.260.536 VND.

16. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ lợi ích	Giá trị	Tỷ lệ lợi ích	Giá trị
Công ty CP Thủy điện Văn Chấn ⁹⁴	48%	126.832.461.588	51%	88.942.306.886
Công ty CP Văn nhân tạo Yên Bái ⁹⁵			75%	10.809.517.738
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 44 ⁹⁶	28%	4.207.240.000		
Khu đô thị phía đông Văn Giang ⁹⁷		35.000.000.000		
Công ty CP Cơ điện và XD Hòa Bình ⁹⁸	32,5%	2.003.528.515	32,5%	2.003.528.515
Công ty CP Thủy điện Thác Xăng ⁹⁹			52%	601.900.326
Cộng		168.043.230.103		102.357.253.465

- ⁹⁴ Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 5200230088 ngày 28 tháng 12 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Tỉnh Yên Bái cấp, Công ty đầu tư vào Công ty CP Thủy điện Văn Chấn 125 tỷ VND (12.500.000 cổ phiếu), tương đương 50% vốn điều lệ. Trong năm Công ty đã đầu tư thêm 3.338.904 cổ phiếu. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 9.297.946 cổ phiếu, số còn phải đầu tư là 3.202.054 cổ phiếu, tỷ lệ sở hữu thực tế tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 48%.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, Đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bìa thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- *) Theo Nghị quyết số 02B/2010/NQ-HDQT ngày 21 tháng 5 năm 2010 của Hội đồng quản trị Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam, Công ty thực hiện bán bớt 103.000 cổ phiếu tương ứng với 10.300.000.000 VND tại Công ty CP Ván nhân tạo Yên Bái (từ 46% xuống còn 18%) với giá trị thu hồi là 7.725.000.000 VND, lỗ thanh lý khoản đầu tư này là 2.575.000.000 VND và phân loại khoản đầu tư này sang đầu tư dài hạn khác.
- **) Theo Quyết định 148/2010/QĐ-HDQT ngày 03 tháng 3 năm 2010 của Chủ tịch Hội đồng quản trị v/v mua cổ phần của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 44, Công ty mua thêm 300.000 cổ phần với giá mua là 10.000 VND/cổ phiếu và tăng tỷ lệ nắm giữ lên 28,05% (Số đầu năm là 120.724 cổ phiếu, được phản ánh ở chỉ tiêu đầu tư dài hạn khác).
- **) Là khoản đầu tư hợp tác kinh doanh giữa Công ty CP Phát triển Đầu tư Xây dựng Bách Giang với Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam và Công đoàn Sở giao dịch Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam để xây dựng khu đô thị mới phía Đông huyện Văn Giang – Hưng Yên.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết, liên doanh như sau:

Công ty	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần bị hoặc lỗ trong năm	Giá trị phần mua thêm	Giá trị phần		Giá trị phần sở hữu cuối năm
				Thay đổi tỷ lệ	chuyển nhượng	
(a)	88.942.306.886	(4.063.353.318)	41.944.040.110	9.467.910		126.832.461.588
(b)	10.809.517.738			(3.500.000.000)	(7.309.517.738)	
(c)			3.000.000.000	1.207.240.000		4.207.240.000
(d)			35.000.000.000			35.000.000.000
(e)	2.003.528.515					2.003.528.515
(f)	601.900.326			(601.900.326)		
Cộng	102.357.253.465	(4.063.353.318)	79.944.040.110	(2.885.192.416)	(7.309.517.738)	168.043.230.103

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu				239.350.000
Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội			29.403	239.350.000
Đầu tư trái phiếu		48.160.400.000		1.000.000.000
Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí Việt Nam – Chi nhánh Nam Định		1.000.000.000		1.000.000.000
Công ty CP Tập đoàn Trường Thịnh (a)	500.000	47.057.500.000		
Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội		102.900.000		
Đầu tư vào đơn vị khác		7.770.000.000		3.077.240.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển các Khu công nghiệp Hà Tĩnh	10.500	1.050.000.000	10.500	1.050.000.000
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 44			120.724	1.207.240.000
Công ty CP Tư vấn và Đầu tư xây dựng	12.000	1.200.000.000	3.000	300.000.000
Công ty CP AP Meco	52.000	520.000.000	52.000	520.000.000
Công ty CP Văn nhân tạo Yên Bái	35.000	3.500.000.000		
Công ty CP Kinh Melita	15.000	1.500.000.000		
Cộng		55.930.400.000		4.316.590.000

^(a) Theo Quyết định số 147/2010/QĐ-HDQT của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Công ty mua 500.000 trái phiếu doanh nghiệp của Công ty CP Tập đoàn Trường Thịnh với giá mua trái phiếu là 94.115 VND/trái phiếu, mệnh giá trái phiếu là 100.000 VND, thời hạn 3 năm, lãi suất 15%/năm.

18. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Là dự phòng khoản lỗ tại Công ty Cổ phần Văn nhân tạo Yên Bái.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	577.682.419.878	229.104.666.815
<i>Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Đống Đa</i>	<i>246.793.624.381</i>	<i>173.508.852.164</i>
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long</i>	<i>106.577.470.212</i>	<i>41.315.421.022</i>
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Thăng Long</i>		<i>14.253.143.629</i>
<i>Sở giao dịch Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam</i>	<i>69.269.000.000</i>	
<i>Sở giao dịch Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam</i>	<i>109.498.000.000</i>	
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Trùng An</i>	<i>45.517.075.285</i>	
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Thiệu Hóa</i>	<i>27.250.000</i>	<i>27.250.000</i>
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	2.357.156.000	20.068.625.000
<i>Vay cá nhân</i>	<i>2.357.156.000</i>	<i>2.238.625.000</i>
<i>Vay Công ty TNHH Xây dựng và Lắp đặt Thủy điện Triết Giang</i>		<i>17.830.000.000</i>
Vay dài hạn đến hạn trả	13.203.470.619	20.271.094.901
<i>Sở giao dịch I - Ngân hàng Phát triển Việt Nam</i>		<i>2.230.480.721</i>
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long</i>	<i>10.997.670.619</i>	<i>15.512.944.180</i>
<i>Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Đống Đa</i>	<i>1.365.000.000</i>	<i>1.420.000.000</i>
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Thăng Long</i>		<i>386.870.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Bảo Việt</i>	<i>840.800.000</i>	<i>720.800.000</i>
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.28)	878.488.000	327.240.000
<i>Công ty Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam</i>	<i>878.488.000</i>	<i>327.240.000</i>
Cộng	<u>594.121.534.497</u>	<u>269.771.626.716</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP.Hà Nội

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cáo năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển	Tăng khác (đánh giá CLTG)	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	229.104.666.815	828.579.868.019		182.042.100	480.184.157.056	577.682.419.878
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	20.068.625.000	124.156.000			17.835.625.000	2.357.156.000
Vay dài hạn đến hạn trả	20.271.094.901		15.070.665.064	95.810.380	22.234.099.726	13.203.470.619
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	327.240.000		1.178.894.666		627.646.666	878.488.000
Cộng	269.771.626.716	828.704.024.019	16.249.559.730	277.852.480	530.881.528.448	594.121.534.497

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người bán của Công ty mẹ	92.622.013.311	73.644.544.927
Phải trả người bán của các Công ty con	6.172.048.760	172.365.747
Cộng	<u>98.794.062.071</u>	<u>73.816.910.674</u>

21. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Người mua trả tiền trước của Công ty mẹ	121.810.251.924	114.476.225.344

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.146.502.423	5.327.197.976	7.585.113.283	888.587.116
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		576.467.228	576.467.228	
Thuế xuất, nhập khẩu		185.589.156	185.589.156	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.192.671.698	8.334.624.945	2.542.143.964	17.985.152.679
Thuế thu nhập cá nhân	37.410.638	60.862.161	79.349.654	18.923.145
Thuế nhà đất	27.733.911	53.171.250	66.201.250	14.703.911
Các loại thuế khác	19.162.557	125.748.000	125.748.000	19.162.557
Cộng	<u>15.423.481.227</u>	<u>14.663.660.716</u>	<u>11.160.612.535</u>	<u>18.926.529.408</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với từng loại công trình, dịch vụ, hàng hóa như sau:

Hoạt động xây lắp	10%
Dịch vụ cơ khí	5%
Hoạt động kinh doanh Bất động sản (*)	10%

(*) Đối với hoạt động kinh doanh Bất động sản, doanh thu tính thuế là giá chuyển nhượng Bất động sản trừ giá đất thực tế tại thời điểm chuyển nhượng. Giá đất thực tế Công ty xác định trên cơ sở thỏa thuận với khách hàng và được ghi trong hợp đồng chuyển nhượng.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm đầu tiên kể từ khi chuyển đổi hình thức hoạt động sang công ty cổ phần (năm 2006 và 2007) và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho 03 năm tiếp theo (từ năm 2008 đến năm 2010).

Hoạt động chuyển nhượng Bất động sản, không áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	55.519.188.116	62.572.933.892
Trong đó:		
- Hoạt động kinh doanh bất động sản	12.191.013.508	32.270.296.393
- Hoạt động xây lắp và các hoạt động khác	43.328.174.608	30.302.637.499
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	2.054.294.305	(389.353.069)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	4.063.353.318	3.447.257.455
Lợi thế thương mại		300.000.000
Lợi nhuận chưa thực hiện	(19.711.213)	189.647.370
Hoàn nhập dự phòng trong Công ty liên kết		(377.575.336)
Thu lao HĐQT không điều hành trực tiếp	88.284.000	
Cổ tức và lợi nhuận được chia	(2.077.631.800)	(27.423.000)
Lỗi chênh lệch tỷ giá các năm trước		(3.921.259.558)
Thu nhập chịu thuế	57.573.482.421	62.183.580.823
Thu nhập được miễn thuế		
Lỗi các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	57.573.482.421	62.183.580.823
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	14.393.370.605	15.545.895.206
Trong đó:		
- Hoạt động kinh doanh bất động sản	3.047.753.377	8.067.574.098
- Hoạt động xây lắp và các hoạt động khác	11.345.617.228	7.478.321.108
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm của hoạt động xây lắp và các hoạt động khác (50%)	(5.672.808.614)	(3.739.160.554)
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	8.720.561.991	11.806.734.652

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	16.254.612.418	17.183.186.685
Lãi trái phiếu phải trả	5.200.000.000	3.588.633.334
Chi phí công trình	4.125.547.616	2.699.498.905
Chi phí hỗ trợ đi dôi	1.620.400.273	2.807.452.803
Chi phí khác	111.933.724	123.091.014
Cộng	<u>27.312.494.031</u>	<u>26.401.862.741</u>

24. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội	113.940.768	
Kinh phí công đoàn	577.225.197	446.991.626
Phải trả các đội công trình	1.222.748.676	1.232.500.823
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.489.834.499	1.246.906.667
Phải trả về cổ phần hóa	588.420.000	588.420.000
Lãi vay phải trả khách hàng trả trước tiền hàng		338.808.599
Dệt cọc mua cổ phần của các cá nhân		7.500.000.000
Phải trả các cá nhân tiền vay xây dựng dự án	38.450.000.000	38.450.000.000
Khu chung cư cao tầng 102 Trường Chinh		
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.158.617.251	2.143.695.360
Cộng	<u>48.600.786.391</u>	<u>51.947.323.075</u>

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Tăng do trích		Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
	<u>Số đầu năm</u>	<u>lập từ lợi nhuận</u>		
Quỹ khen thưởng	1.143.469.784	4.644.730.299	55.700.000	5.732.500.083
Quỹ phúc lợi	1.253.201.576	2.617.203.961	109.750.000	3.760.655.537
Cộng	<u>2.396.671.360</u>	<u>7.261.934.260</u>	<u>165.450.000</u>	<u>9.493.155.620</u>

26. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang (tiền góp vốn xây dựng khu chung cư cao tầng 102 Trường Chinh)	34.000.000.000	29.186.659.050
Các cá nhân góp vốn xây dựng Dự án khu chung cư cao tầng 102 Trường Chinh	86.373.605.000	41.459.767.000
Cộng	<u>120.373.605.000</u>	<u>70.646.426.050</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

27. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	197.313.773.970	159.420.462.455
<i>Sở giao dịch I - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (*)</i>	<i>597.699.800</i>	<i>597.699.800</i>
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hồ Nội</i>	<i>204.994.477</i>	<i>204.994.477</i>
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long</i>	<i>182.629.928.919</i>	<i>121.227.117.959</i>
<i>Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Đống Đa</i>	<i>1.539.500.000</i>	<i>2.904.500.000</i>
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Thăng Long</i>		<i>967.175.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Bảo Việt</i>	<i>1.684.314.160</i>	<i>2.159.414.400</i>
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy</i>	<i>10.657.336.614</i>	<i>31.359.560.819</i>
Nợ dài hạn	1.129.329.334	163.620.000
<i>Công ty Cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam</i>	<i>1.129.329.334</i>	<i>163.620.000</i>
Trái phiếu (**)	80.000.000.000	92.140.000.000
Cộng	<u>278.443.103.304</u>	<u>251.724.082.455</u>

(*) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch I phục vụ đầu tư dự án "Nhà máy kính gương Long Giang", đã quá hạn trả từ năm 1996, chưa được các cấp có thẩm quyền phê duyệt xóa nợ. Công ty không tính lãi vay phải trả đối với khoản vay này.

(**) Công ty phát hành trái phiếu chuyển đổi, kỳ hạn 36 tháng, lãi suất trái phiếu 12%/năm để bổ sung nguồn vốn đầu tư vào các dự án của Công ty, trả lãi định kỳ 1 năm/1 lần, lãi không nhập gốc. Tỷ lệ chuyển đổi: 1 trái phiếu có mệnh giá 100.000 đồng sẽ được chuyển đổi 10 cổ phiếu phổ thông. Thời gian chuyển đổi: 20% sau 12 tháng; 30% sau 24 tháng và 50% sau 36 tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn

	<u>Vay dài hạn</u>	<u>Nợ dài hạn</u>	<u>Trái phiếu</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	159.420.462.455	163.620.000	92.140.000.000	251.724.082.455
Số tiền vay phát sinh	74.693.375.784	2.144.604.000	7.860.000.000	84.697.979.784
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	557.860.795			557.860.795
Số tiền vay đã trả	(22.287.260.000)			(22.287.260.000)
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	(15.070.665.064)	(1.178.894.666)		(16.249.559.730)
Chuyển đổi trái phiếu			(20.000.000.000)	(20.000.000.000)
Số cuối năm	<u>197.313.773.970</u>	<u>1.129.329.334</u>	<u>80.000.000.000</u>	<u>278.443.103.304</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BAO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

28. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	126.268.190.000	36.363.462.000		7.880.971.507	465.705.055	9.491.278.442	180.469.607.004
Cổ đông góp vốn	18.931.740.000	(12.626.849.000)					6.304.891.000
Góp bằng tiền	5.731.870.000	573.081.000					6.304.891.000
Từ nguồn Thặng dư vốn cổ phần	13.199.930.000	(13.199.930.000)					
Lợi nhuận trong năm trước						49.713.698.407	49.713.698.407
Chênh lệch tỷ giá của các khoản mục tiền tệ ngắn hạn cuối năm			1.502.590.741				1.502.590.741
Trích lập các quỹ trong năm				862.690.423	862.690.423	(3.683.290.929)	(1.957.910.083)
Tăng Quỹ Đầu tư phát triển từ số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm				3.739.160.554		(3.739.160.554)	
Chưa kết cả tức năm 2008						(1.644.330.000)	(1.644.330.000)
Tạm chia cổ tức năm 2009						(13.200.000.000)	(13.200.000.000)
Số dư cuối năm trước	145.199.930.000	23.736.613.000	1.502.590.741	12.482.822.484	1.328.395.478	36.938.195.366	221.188.547.069

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	145.199.930.000	23.736.613.000	1.502.590.741	12.482.822.484	1.328.395.478	36.938.195.366	221.188.547.069
Cổ đông góp vốn	400.800.070.000	145.564.005.000					546.364.075.000
Góp bằng tiền	390.800.070.000	145.564.005.000					536.364.075.000
Tặng tài sản phi tiền chuyển đổi	20.000.000.000					20.000.000.000	20.000.000.000
Lợi nhuận trong năm nay			(1.502.590.741)			46.793.698.322	46.793.698.322
Hoàn nhập Chênh lệch tỷ giá của các khoản mục tiền tệ ngắn hạn năm trước							(1.502.590.741)
Chênh lệch tỷ giá của các khoản mục tiền tệ ngắn hạn cuối năm			683.345.117				683.345.117
Tặng Quỹ Đầu tư phát triển từ số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm				5.672.808.614		(5.672.808.614)	
Trích lập các quỹ trong năm nay				2.617.203.961	2.617.203.961	(12.496.342.182)	(7.261.934.260)
Chia nợ cổ tức 2009 và tạm ứng cổ tức năm 2010						(25.200.000.000)	(25.200.000.000)
Lợi nhuận chia cho bên hợp tác kinh doanh						(4.683.034.727)	(4.683.034.727)
Thay đổi tỷ lệ sở hữu ở Công ty liên kết						9.467.910	9.467.910
Số dư cuối năm nay	546.000.000.000	169.300.618.000	683.345.117	20.772.835.059	3.945.599.439	35.689.176.075	776.391.573.690

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	56.800.000	16.800.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	54.600.000	14.519.993
Số lượng cổ phiếu phổ thông mua lại	54.600.000	14.519.993
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	54.600.000	14.519.993

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	<u>Năm nay</u>
Chi trả cổ tức năm 2009 và tạm ứng cổ tức năm 2010	25.644.123.400

Mục đích trích lập các quỹ

- Quỹ Đầu tư phát triển được dùng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu.
- Quỹ Dự phòng tài chính được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....

29. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	565.000.000	
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		
Tăng do hợp nhất kinh doanh	1.000.000.000	565.000.000
Giảm do chia cổ tức, lợi nhuận		
Giảm do nhượng bán công ty con		
Số cuối năm	<u>1.565.000.000</u>	<u>565.000.000</u>



VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	501.417.145.152	304.232.633.242
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.107.175.028	4.508.934.714
Doanh thu kinh doanh bất động sản	44.637.231.811	107.186.372.729
Doanh thu hoạt động xây dựng	221.542.131.043	277.471.793.676
Cộng	<u>777.703.683.034</u>	<u>693.399.734.361</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	470.705.147.839	294.062.253.642
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	7.964.291.668	6.897.110.392
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	28.836.863.555	55.363.329.559
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	184.678.417.971	251.541.286.069
Cộng	<u>692.184.721.033</u>	<u>607.863.979.662</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	682.028.552	6.680.910.276
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	11.472.321.786	4.897.017.211
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu	8.580.135.682	283.198.068
Lãi tiền cho vay		1.463.424.970
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.077.631.800	27.423.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		99.617.223
Lãi bán hàng trả chậm	25.241.540.043	32.461.308.605
Lãi kinh doanh chứng khoán	286.165.819	178.385.424
Doanh thu tài chính khác	920.319.533	
Cộng	<u>49.260.143.215</u>	<u>46.091.284.777</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	60.578.086.351	50.802.090.067
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(56.665.600)	28.937.850
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	557.860.795	1.782.302.140
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.000.902.776	2.269.302.332
Chi phí phát hành trái phiếu	16.886.000	478.254.545
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư dài hạn	449.560.571	
Chi phí tài chính khác	37.993.435	
Cộng	<u>63.584.624.328</u>	<u>55.360.886.934</u>

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	1.550.250.596	1.102.413.698
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	55.793.925	38.507.910
Chi phí khấu hao TSCĐ	10.456.761	475.489.539
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.057.326.034	379.296.168
Chi phí bằng tiền khác	16.423.182	1.057.549.242
Cộng	<u>2.690.250.498</u>	<u>3.053.256.557</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	4.864.480.429	5.825.898.302
Chi phí vật liệu quản lý	385.503.969	155.989.814
Chi phí đồ dùng văn phòng	165.304.297	258.879.709
Chi phí khấu hao TSCĐ	302.336.274	562.299.948
Thuế, phí và lệ phí	120.985.824	7.383.346
Chi phí dự phòng		1.419.706.936
Lợi thế thương mại		300.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.732.626.539	625.193.968
Chi phí bằng tiền khác	1.466.598.322	1.223.606.061
Cộng	<u>9.037.835.654</u>	<u>10.378.958.084</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định</i>	7.432.727.364	2.304.544.634
Chênh lệch đánh giá lại tài sản góp vốn		1.951.578.331
Hoàn nhập dự phòng		
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	5.567.800	
Các khoản thuế được hoàn	55.437.638	
Phí quản lý công trình Văn Chấn		637.200.000
Các khoản nợ không xác định được chủ	33.283.100	1.674.009.506
Thu nhập khác	131.579.212	37.679.610
Cộng	<u>7.658.595.114</u>	<u>6.605.012.081</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý	7.221.307.909	2.541.211.256
Chi phí nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	261.090.972	608.048.077
Chi phí khác	60.049.535	269.499.302
Cộng	<u>7.542.448.416</u>	<u>3.418.758.635</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	46.793.698.322	49.713.698.407
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	46.793.698.322	49.713.698.407
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	21.275.138	14.496.438
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.199	3.429

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	14.519.993	12.626.819
Ảnh hưởng của cổ phiếu thưởng phát hành năm 2009		1.319.993
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành năm 2009		549.626
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành năm 2010	6.755.145	
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	21.275.138	14.496.438

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan***Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:*

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.011.105.516	986.680.311
Các khoản trích theo lương	73.653.498	59.827.968
Cộng	1.084.759.014	1.046.508.279

Giao dịch với các bên liên quan khác:

Bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Hòa Bình	Công ty liên kết
Công ty CP Thủy điện Văn Chấn	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 44	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư và Phát triển đô thị Long Giang	Công ty có Ủy viên Hội đồng quản trị làm Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty CP Đầu tư và Phát triển đô thị Long Giang</i>		
Long Giang góp vốn	4.813.340.950	11.355.679.408
Nhận tiền ứng hợp đồng thi công chuyển sang tiền góp vốn		9.507.898.848
Khối lượng thi công nhà HH1 (cọc khoan nhồi)	65.484.317.000	
Trả tiền thi công nhà HH1 (cọc khoan nhồi)	51.377.698.200	

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty CP Đầu tư và Phát triển đô thị Long Giang</i>		
Tiền điện phải thu	59.388.668	
Cộng nợ phải thu	<u>59.388.668</u>	
<i>Công ty CP Thủy điện Văn Chấn</i>		
Ứng tiền thi công cơ khí thủy công Thủy điện Văn Chấn (30%)	30.247.896.000	30.247.896.000
<i>Công ty CP Đầu tư và Phát triển đô thị Long Giang</i>		
Tiền góp vốn đầu tư	34.000.000.000	19.678.760.202
Tiền thi công	4.598.719.952	
Cộng nợ phải trả	<u>68.846.615.952</u>	<u>49.926.656.202</u>

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty đo các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Xây lắp
- Lĩnh vực Kinh doanh thương mại
- Lĩnh vực Kinh doanh Bất động sản
- Lĩnh vực Kinh doanh dịch vụ

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm nay	Xây lắp	Thương mại	Bất động sản	Dịch vụ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	221.542.131.043	501.417.145.152	44.637.231.811	10.107.175.028	777.703.683.034
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận					
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	221.542.131.043	501.417.145.152	44.637.231.811	10.107.175.028	777.703.683.034
Chi phí bộ phận	191.924.384.436	473.848.150.572	30.175.980.509	7.964.291.668	703.912.807.185
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	29.617.746.607	27.568.994.580	14.461.251.302	2.142.883.360	73.790.875.849
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					73.790.875.849
Doanh thu hoạt động tài chính					49.260.143.215
Chi phí tài chính					63.584.624.328
Thu nhập khác					7.658.595.114
Chi phí khác					7.542.448.416
Phần tài hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh					4.063.353.318
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					8.720.561.991
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					4.927.803
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					46.793.698.322
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	10.553.247.941				10.553.247.941
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	31.899.751.863				31.899.751.863

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

	Xây lắp	Thương mại	Bất động sản	Dịch vụ	Cộng
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	435.446.281.190	524.556.327.637	218.864.834.197		1.178.867.443.024
Tài sản phân bổ cho bộ phận	85.392.186.382		3.712.030.424	34.645.591.888	123.749.808.694
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					804.861.661.214
Tổng tài sản					2.107.478.912.932
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	111.904.934.550	68.594.433.870	50.803.805.560		231.303.173.980
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	208.263.374.406	420.352.573.709	163.948.689.686		792.564.637.801
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					305.508.731.018
Tổng nợ phải trả					1.329.376.542.799

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, Đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Thay đổi chính sách kế toán

Năm 2010, trong phạm vi có liên quan, Công ty áp dụng các qui định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngoài ra, ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Các yêu cầu của Thông tư này sẽ được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Lập ngày 31 tháng 3 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT



Phạm Thị Chinh Lương

Ninh Thị Luân

Nguyễn Ngọc Bình

